

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2022/ DS-ST
Ngày 11/08/2022

V/v tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Lê Thanh Liêm

2/ - Bà Phan Thị Trúc Phương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân –

Thư Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 11 tháng 08 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2022/ TLST- DS ngày 08 tháng 07 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/ QĐXXST- DS ngày 26 tháng 07 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Bích L**, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T T, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Bà **Lê Thị Kiều D**, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T T, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Trần Thị Bích L trình bày: Nguyên vào ngày 06/01/2020 bà Lê Thị Kiều D có đến nhà tôi vay số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 2,5%/ 1 tháng, lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận nợ ngày 06/01/2020, mục

đích bà Lê Thị Kiều D vay tiền của tôi là để có vốn làm ăn buôn bán vải, thời hạn trả nợ là trong sáu (06) tháng, đến ngày 06/07/2020 bà D sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho tôi. Và đến ngày 20/01/2020 (âm lịch) nhằm ngày 20/02/2020 (dương lịch) thì bà D có trả cho tôi số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), còn nợ lại tôi số tiền gốc là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Đến nay thì bà D vẫn không có đóng lãi và trả nợ gốc thêm cho tôi, mặc dù tôi có đến nhà bà D đòi nợ nhiều lần nhưng bà D chỉ hứa mà không thực hiện việc trả nợ.

Nay tại phiên tòa, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Kiều D trả nợ cho tôi số tiền gốc là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Lê Thị Kiều D trình bày: Nguyên vào ngày 06/01/2020 tôi có đến nhà bà Trần Thị Bích L vay số tiền là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) để làm vốn buôn bán vải. Khi vay giữa hai bên có làm biên nhận, có thỏa thuận lãi suất là 2,5%/01 tháng, tôi có đóng lãi cho bà L mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), tôi đóng lãi cho bà L được 24 tháng, tổng số tiền là 48.000.000đ (bốn mươi tám triệu đồng), lúc đóng lãi cho bà L thì tôi không có làm biên nhận đóng lãi với bà L, và tôi cũng không có chứng cứ gì để chứng minh tôi đã đóng lãi cho bà L. Đến ngày 20/01/2022 (âm lịch) nhằm ngày 20/02/2022 (dương lịch) tôi có trả số tiền gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) cho bà Trần Thị Bích L. Tổng cộng tôi còn nợ lại bà L số tiền gốc là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Nay tại phiên tòa, tôi thừa nhận còn nợ bà Trần Thị Bích L số tiền gốc là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Do hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn nên tôi không có khả năng trả hết số tiền một lần được cho bà L. Tôi yêu cầu xin được trả nợ dần cho bà L là tôi trả 10.000.000đ/ 03 tháng cho đến khi hết nợ. Thời hạn trả nợ bắt đầu cụ thể như sau:

Vào ngày 01/10/2022 tôi trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) và cứ thế tiếp tục trả cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa nguyên đơn bà Trần Thị Bích L với bị đơn bà Lê Thị Kiều D là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Bích L yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Kiều D trả cho bà L số tiền gốc 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì bà L có cho bà D vay số tiền gốc là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận nợ ngày 06/01/2020, lãi suất thỏa thuận giữa hai bên là 2,5%/01 tháng, thời hạn trả nợ là trong 06 tháng, đến ngày 06/07/2020 bà D sẽ trả cho bà L hết nợ gốc và lãi, sau đó đến ngày 20/01/2022 (âm lịch) nhằm ngày 20/02/2022(Dương lịch) bà D có trả số tiền gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) cho bà Trần Thị Bích L. Bà D còn nợ tiền gốc của bà L là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) thì bà D không trả nợ tiếp cho bà L, bà L đến nhà bà D đòi nợ nhiều lần nhưng bà D chỉ hứa chứ không trả nợ cho bà L.

Nay tại phiên tòa bà Trần Thị Bích L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Lê Thị Kiều D phải trả hết nợ gốc số tiền là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Lời yêu cầu của bà L phù hợp với Điều 463 và Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Như vậy số tiền lãi trong vụ kiện này tính từ ngày 07/01/2020 đến ngày 19/02/2022 là 772 ngày cụ thể như sau: $80.000.000đ \times 1,66\% \times 772 \text{ ngày} = 34.173.866đ$ tính tròn là 34.174.000đ (ba mươi bốn triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Đến ngày 20/02/2022 thì bà D có trả nợ gốc cho bà L số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) thì bà D còn nợ lại bà L số tiền gốc là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Do đó số tiền lãi được tính tiếp tục từ ngày 20/02/2022 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 11/08/2022 là 171 ngày cụ thể như sau: $60.000.000đ \times 1,66\% \times 171 \text{ ngày} = 5.677.200đ$ tính tròn là 5.677.000đ (năm triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 99.851.000đ (chín mươi chín triệu tám trăm năm mươi một nghìn đồng).

[3] Xét yêu cầu của bị đơn bà Lê Thị Kiều D thì bà D thừa nhận còn nợ của bà Trần Thị Bích L số tiền gốc là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 2,5%/01 tháng, lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận nợ ngày 06/01/2020. Đến ngày 20/01/2022 (âm lịch) nhằm ngày 20/02/2022 (dương lịch) bà D có trả số tiền gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) cho bà Trần Thị Bích L. Tổng cộng số tiền bà D còn nợ lại bà L số tiền gốc là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Mặt khác bà D cho rằng có đóng lãi cho bà L mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), bà D đóng lãi cho bà L được 24 tháng, tổng số tiền là 48.000.000đ (bốn mươi tám triệu đồng), lúc đóng lãi cho bà L thì bà D không có làm biên nhận đóng lãi với bà L. Do hiện nay bà D đang gặp khó khăn về kinh tế. Bà D xin trả nợ dần cho bà L số tiền là 10.000.000đ/ 03 tháng cho đến khi hết nợ. Thời hạn trả nợ bắt đầu cụ thể vào ngày 01/10/2022, bà D trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) và cứ thế tiếp tục trả cho đến khi hết nợ. Lời yêu cầu của bà D là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì bà D cho rằng có đóng lãi cho bà L mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), bà D đóng lãi cho bà L được 24 tháng, tổng số tiền là 48.000.000đ (bốn mươi tám triệu đồng). Tuy nhiên bà D lại không có biên nhận nào chứng minh việc đã đóng lãi cho bà L và bà D không có các chứng cứ nào chứng minh cho việc bà D có đóng lãi cho bà L.

Chính vì vậy Hội đồng xét xử bác lời khai nại trả tiền lãi của bà Lê Thị Kiều D.

Mặt khác xét lời yêu cầu trả nợ dần của bà D thì bà L không đồng ý yêu cầu trả nợ dần của bà D. Theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ

tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có xem xét.

Chính vì vậy bác lời khai nại của bà Lê Thị Kiều D, buộc bà Lê Thị Kiều D trả nợ cho bà Trần Thị Bích L số tiền gốc và lãi là 99.851.000đ (chín mươi chín triệu tám trăm năm mươi một nghìn đồng).

[4] Về án phí DSST: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của bà Trần Thị Bích L được chấp nhận nên bà L không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà L số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0006498 ngày 27/06/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bà Lê Thị Kiều D phải nộp: $99.851.000đ \times 5\% = 4.992.550đ$ tính tròn là 4.993.000đ (bốn triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng Điều 463, Khoản 1 Điều 468 Bộ Luật Dân Sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bích L

3/ Bác lời khai nại của bị đơn bà Lê Thị Kiều D

4/ Buộc bà Lê Thị Kiều D trả cho bà Trần Thị Bích L số tiền gốc và lãi là 99.851.000đ (chín mươi chín triệu tám trăm năm mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu

Thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5/ Về án phí DSST:

- Buộc bà Lê Thị Kiều D nộp 4.993.000đ (bốn triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị Bích L số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0006498 ngày 27/06/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà Trần Thị Bích L và bà Lê Thị Kiều D biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật

